

Số: KH1T-15/11h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2024

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ ngày 21/5-20/6/2024)**

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ 21/4-20/5/2024

- Thời tiết nguy hiểm:

+ **Dông, tố và lốc:** Thời kỳ từ ngày 21/4-20/5/2024, trên phạm vi toàn quốc xảy ra nhiều trận dông, lốc và mưa đá tập trung nhiều nhất ở các tỉnh phía Bắc. Tuy nhiên, ở các huyện vùng núi thuộc Bắc và Trung Trung Bộ, trên khu vực Tây Nguyên cũng đã xảy ra một số trận dông lốc gây thiệt hại đáng kể (Bảng 1-Phụ lục).

+ **Nắng Nóng:** Thời kỳ từ ngày 21/4-20/5/2024, ở khu vực Tây Bắc Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Phú Yên đã xuất hiện 01 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt, có nơi đặc biệt gay gắt vào thời kỳ từ ngày 19/4-02/5. Trong đó, từ ngày 26-30/4 nắng nóng xuất hiện diện rộng tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ, riêng khu vực Tây Bắc Bắc Bộ và từ Thanh Hóa-Phú Yên có nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt với nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến từ 39-42⁰C, có nơi trên 43⁰C; sau đó từ ngày 01-02/5 nắng nóng chỉ còn duy trì ở khu vực Trung và Nam Trung Bộ, ngày 03/5 nắng nóng thu hẹp dần chủ yếu xảy ra ở các tỉnh từ Quảng Nam vào đến Ninh Thuận. Tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ xuất hiện nắng nóng và nắng nóng gay gắt kéo dài trong thời kỳ 21/4-02/5; từ ngày 03-16/5 nắng nóng tập trung tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Trên cả nước đã ghi nhận nhiều trạm khí tượng xảy ra giá trị nhiệt độ cao nhất ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) và có nơi vượt cả giá trị cao nhất năm từng quan trắc được (Bảng 2, 3- Phụ Lục).

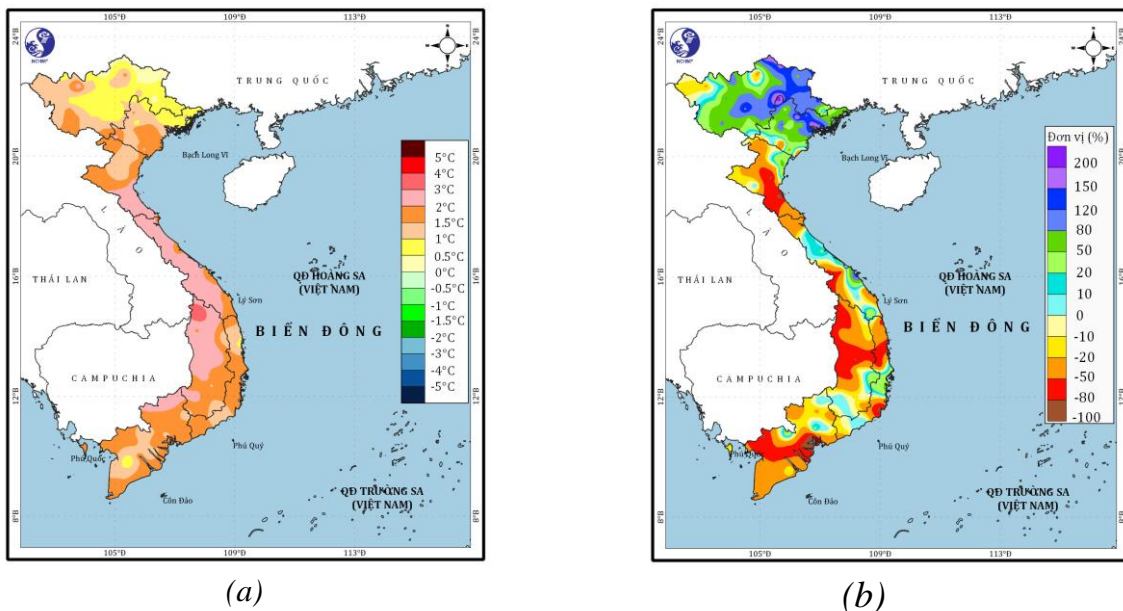
- **Nhiệt độ trung bình:** Thời kỳ từ ngày 21/4-20/5/2024, nhiệt độ trung bình trên toàn quốc phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,5-2,0⁰C, có nơi cao hơn từ 3,0⁰C (Hình 1a).

- **Lượng mưa:** Thời kỳ từ ngày 21-30/4/2024, đã xuất hiện đợt mưa rào và dông vào ngày 24-25/4. Sang tháng 5, thời kỳ từ ngày 01-13/5, ngày từ ngày 15-16 và từ ngày 19-20/5 ở Bắc Bộ liên tục có mưa rào và dông diện rộng, có

ngày có mưa vừa, mưa to, riêng ngày 04, 07 và 11/5 mưa bị gián đoạn; trong đó, từ ngày 02-04/5, 06-07/5 và từ ngày 10-13/5 mưa rào và dông mở rộng xuống khu vực Thanh Hóa-Thừa Thiên Huế.

Khu vực Tây Nguyên từ ngày 02-05/5, và từ ngày 17-20/5 có mưa rào và dông rải rác, có nơi mưa vừa, mưa to. Khu vực Nam Bộ có mưa rào và dông vào các ngày 04-05/5, 07-09/5 và ngày 15-20/5 (trong đó ngày 19-20/5 cục bộ có mưa vừa, mưa to).

Thời kỳ từ ngày 21/4-20/5/2024, tổng lượng mưa (TLM) tại khu vực Bắc bộ phổ biến cao hơn TBNN từ 40-80%. Các nơi khác có TLM phổ biến thấp hơn TBNN từ 20-80% (Hình 1b).



Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) từ ngày 21/4-20/5/2024; (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ ngày 21/4-20/5/2024.

2. Dự báo xu thế khí hậu thời hạn tháng thời kỳ từ ngày 21/5-20/6/2024

- **Nhiệt độ trung bình:** Trên cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0 $^{\circ}\text{C}$ so với TBNN (Hình 2b).

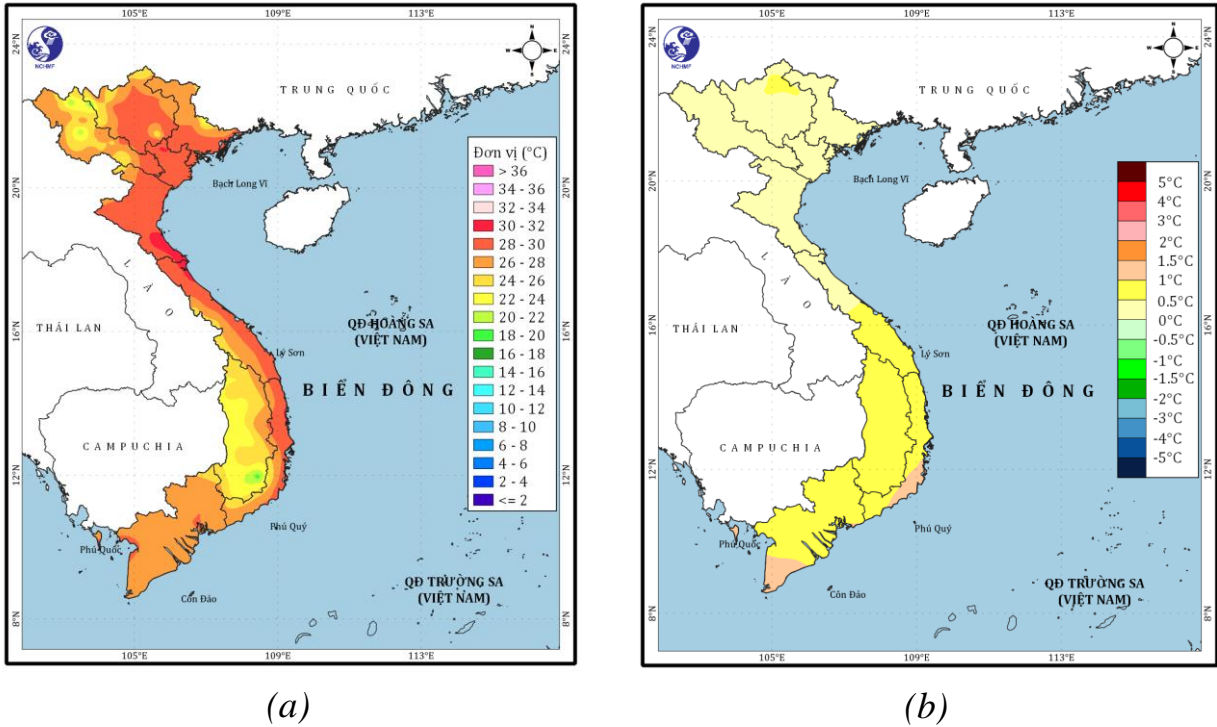
- **Lượng mưa:** TLM tại khu vực Bắc Bộ cao hơn từ 5-15%, Bắc và Trung Trung Bộ cao hơn 20-40%, có nơi cao hơn so với TBNN; các khu vực còn lại phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

- Cảnh báo thời tiết nguy hiểm:

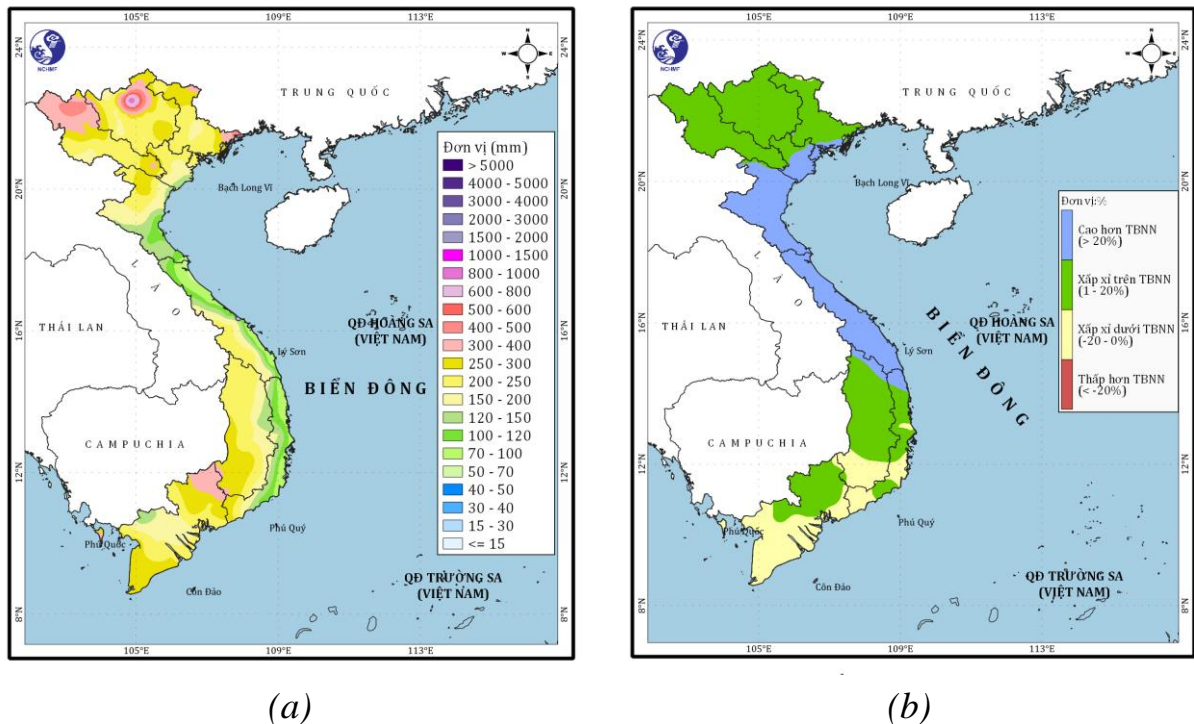
+ **Nắng nóng:** Trong 10 ngày đầu của thời kỳ dự báo, nắng nóng có cường độ giảm trên phạm vi toàn quốc. Sang tháng 6/2024, nắng nóng và nắng nóng gay gắt có khả năng gia tăng trở lại tại Bắc Bộ và Trung Bộ.

+ **Mưa diện rộng:** Trong thời kỳ dự báo, khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ sẽ có nhiều ngày mưa. Tại phía Nam, gió mùa Tây Nam có xu hướng hoạt

động mạnh dần nên mưa có khả năng gia tăng hơn ở khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ.



Hình 2: (a) Nhiệt độ TBNN ($^{\circ}\text{C}$) từ ngày 21/5-20/6; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) từ ngày 21/5-20/6/2024.



Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN từ ngày 21/5-20/6; (b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ ngày 21/5-20/6/2024.

+ Khô hạn: Tình trạng khô hạn ở khu vực Trung và Nam Trung Bộ vẫn tiếp diễn; khô hạn tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ tiếp tục có xu hướng giảm dần.

Mưa dông mạnh kèm theo lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh xảy ra, tập trung ở khu vực Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Ngoài ra, trên khu vực Bắc Biển Đông có khả năng xuất hiện các nhiễu động nhiệt đới, tập trung vào tháng 6/2024.

- **Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:** Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như mưa dông mạnh kèm theo lốc, sét, mưa đá có thể ảnh hưởng lớn đến sản xuất và các hoạt động dân sinh. Với khả năng ít mưa và nắng nóng còn xuất hiện nhiều tại khu vực Trung và Nam Trung Bộ, dẫn đến tình trạng khô hạn, thiếu nước và tiềm ẩn các nguy cơ cháy nổ rất cao tại khu vực trên.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình và lượng mưa từ ngày 21/5-20/6/2024

Khu vực dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng)	Thời kỳ 21-31/5		Thời kỳ 01-10/6		Thời kỳ 11-20/6		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La (Miền núi phía Bắc)	25,5-26,5	70-110	25,5-26,5	70-100	25,5-26,5	50-80	25,5-26,5	200-300
Việt Trì (Miền núi phía Bắc)	28,0-29,0	70-110	29,0-30,0	40-70	29,5-30,5	50-80	29,0-30,0	170-250
Hải Phòng (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	27,5-28,5	80-130	28,5-29,5	70-100	29,0-30,0	60-90	28,5-29,5	230-330
Hà Đông (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	28,0-29,0	70-110	29,0-30,0	60-90	29,5-30,5	60-90	29,0-30,0	200-300
Vinh (Bắc Trung Bộ)	29,0-30,0	50-80	30,0-31,0	30-60	30,5-31,5	30-60	30,0-31,0	120-200
Huế (Trung Trung Bộ)	29,0-30,0	50-80	29,5-30,5	30-60	29,5-30,5	15-30	29,5-30,5	100-170
Nha Trang (Nam Trung Bộ)	29,5-30,5	30-60	29,5-30,5	10-20	29,5-30,5	10-20	29,5-30,5	50-80
Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên)	26,0-27,0	60-90	26,0-27,0	50-80	26,0-27,0	60-90	26,0-27,0	180-260

Khu vực dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng)	Thời kỳ 21-31/5		Thời kỳ 01-10/6		Thời kỳ 11-20/6		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Châu Đốc (Nam Bộ)	29,5-30,5	30-60	29,0-30,0	30-60	29,0-30,0	20-40	29,0-30,0	80-150

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %).

Tin phát ngày: 21/5/2024

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 01/6/2024./.

Dự báo viên: Nguyễn Thanh Hoa

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Chúc

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong
thời kỳ từ 21/4-20/5/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông, lốc, mưa đá	Huyện Đà Bắc, Cao Phong, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	20-21/4/2024
Dông, lốc	Huyện Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ba Bể, Chợ Mới, Pắc Nặm – tỉnh Bắc Kạn	19-21/4/2024
Dông, lốc	Huyện Hải Hà, Cô Tô, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	20-21/4/2024
Dông, lốc, mưa lớn	Huyện Trảng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	20-21/4/2024
Dông, lốc, sét, mưa lớn	Huyện Đông Văn, Quảng Bá, Yên Minh, Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	20-21/4/2024
Dông, lốc	Huyện Yên Lập, Tân Sơn, Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	20-21/4/2024
Dông, lốc	Huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Quảng Hoà, Hạ Lạng, Hoà An, Bảo Lâm, Hà Quảng, Thạch An, tỉnh Cao Bằng	19-21/4/2024
Dông, lốc	Huyện Phù Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	20-21/4/2024
Dông, lốc	Huyện Pắc Nặm, Ba Bể, Chợ Đồn, Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	21-22/4/2024
Dông, lốc, sét, mưa đá	Bản Huồi Cáng 1, Huồi Cáng 2, xã Bắc Lý, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	23/4/2024
Lốc	Xã Xuối Hoa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình	23/4/2024
Mưa đá	Xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	24/4/2024
Dông, lốc, mưa đá	Huyện Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Vân Hồ, tỉnh Sơn La	24/4/2024
Dông, lốc, mưa đá	Huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	24-25/4/2024
Lốc	Xã Mường Ai, Mường Típ, Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	26/4/2024
Mưa đá	Xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	26/4/2024
Dông, lốc	Xã Đức Ninh, Thành Long, Bằng Cốc, Thái Hòa, Nhân Mục, Phù Lưu, Hùng Đức	01/5/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
	- huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang	
Đông, lốc, mưa đá	Xã Tam Quan, Yên Thắng - huyện Trương Dương - tỉnh Nghệ An	01/5/2024
Đông kèm gió mạnh	Thị xã Hương Thủy - huyện Phú Vang - tỉnh Thừa Thiên Huế	02/5/2024
Đông, lốc, mưa đá	Các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa, Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hòa An và Thành phố Cao Bằng - tỉnh Cao Bằng	04/5/2024
Đông, lốc	các huyện Mèo Vạc, Đông Văn, Yên Minh và Bắc Mê - tỉnh Hà Giang	04-05/5/2024
Đông, lốc	Xã Phúc Thịnh - huyện Chiêm Hóa - tỉnh Tuyên Quang	04-05/5/2024
Lốc	Xã Mường Toong - huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên	05/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà, TP. Lào Cai - tỉnh Lào Cai	05-06/5/2024
Lốc	Xã Lương Hòa - huyện Châu Thành; Phường 8- Tp.Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh	06/5/2024
Sét	xã Hà An - huyện Quảng Yên - tỉnh Quảng Ninh	06/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Các huyện: Đại Từ, Đồng Hoá, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ - Tỉnh Thái Nguyên	08/5/2024
Lốc	Xã Chân Sơn, Hùng Lợi, Nhữ Hán - Huyện Yên Sơn - Tỉnh Tuyên Quang	09/5/2024
Đông lốc, sét, mưa đá	Huyện Đại Từ, Đồng Hoá, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ - Tỉnh Thái Nguyên	9/5/2024
Đông lốc	các huyện Chi Lăng, Bắc Sơn, Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn	9/5/2024
Đông lốc mưa đá	Các huyện Điện Biên Đông, Điện Biên - tỉnh Điện Biên	9/5/2024
Sét	Huyện Yên Thành, Quế Phong - tỉnh Nghệ An	12/5/2024
Lốc	Huyện Định Hoá - tỉnh Thái Nguyên	16/5/2024
Lốc, sét, mưa đá	Xã Đoàn Kết, Toàn Sơn, Cao Sơn - huyện Đà Bắc; xã Phú Cường, Quyết Chiến, Mỹ Hòa - huyện Tân Lạc - tỉnh Hòa Bình	16/5/2024
Lốc	Xã Yên Sơn, Bảo Hà, Kim Sơn, Việt Tiến, Lương Sơn, Việt Tiến, Cam Cạn, Yên Sơn - huyện Bảo Yên - tỉnh Lào Cai	16/5/2024
Lốc	huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên	16/5/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc	Huyện Trấn Yên, Văn Yên - tỉnh Yên Bái	
Đông, lốc, sét, mưa đá	Tp. Thủ Dầu Một, TP. Tân Uyên, huyện Dầu Tiếng, Bắc Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương	16/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	xã Nghĩa Trung, Phú Sơn, Đường - huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước	16/5/2024
Lốc	xã Gia Kiệm - huyện Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai	16/5/2024
Đông, lốc, sét	huyện Đông Sơn, Triệu Sơn - tỉnh Thanh Hoá	19/5/2024

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất ngày vượt GTLS trong thời kỳ từ 21-30/4/2024

Trạm khí tượng (Tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Pha Đin (Điện Biên)	31,5	1983,2006	31,6	23/4/2024
Phú Quý (Bình Thuận)	34,8	1990	35,5	23/4/2024
Phước Long (Bình Phước)	38,5	1987	39,7	25/4/2024
Vĩnh Long	37,6	2019	38,5	25/4/2024
Trà Nóc (Cần Thơ)	36,5	2016	37,0	25/4/2024
Cần Thơ	36,7	2019	37,4	25/4/2024
Đà Nẵng	40,0	2013	40,7	26/4/2024
Ba Tơ (Quảng Ngãi)	41,4	2016	41,8	26/4/2024
Kim Bôi (Hòa Bình)	39,7	1998	40,3	27/4/2024
Chi Nê (Hòa Bình)	41,0	2019	41,7	27/4/2024
Hòa Bình	41,1	2019	41,6	27/4/2024
Lào Cai	39,5	2012	41,7	27/4/2024
Yên Bái	36,9	1983	37,9	27/4/2024
Hà Giang	37,7	2012	37,8	27/4/2024
Tuyên Quang	38,3	2015	38,8	27/4/2024
Hàm Yên (Tuyên Quang)	38,0	1998	38,5	27/4/2024
Chiêm Hóa (Tuyên Quang)	38,6	1998	39,0	27/4/2024
Thái Nguyên	37,7	1990	39,4	27/4/2024
Minh Đài (Phú Thọ)	40,4	2006	41,2	27/4/2024
Việt Trì (Phú Thọ)	38,5	1998	38,8	27/4/2024
Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc)	38,3	2015	39,5	27/4/2024
Tam Đảo (Vĩnh Phúc)	32,1	1988	32,2	27/4/2024

Trạm khí tượng (Tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Uông Bí (Quảng Ninh)	35,3	2009	36,3	27/4/2024
Hiệp Hòa (Bắc Giang)	37,0	2012	39,0	27/4/2024
Bắc Giang	36,5	2015	37,0	27/4/2024
Bắc Ninh	36,6	2012	38,3	27/4/2024
Ba Vì (Hà Nội)	38,3	2006,2012	41,2	27/4/2024
Sơn Tây (Hà Nội)	37,8	1998	40,4	27/4/2024
Láng (Hà Nội)	39,0	2006	41,5	27/4/2024
Hoài Đức (Hà Nội)	38,5	2019	40,7	27/4/2024
Hà Đông (Hà Nội)	37,2	2015	40,5	27/4/2024
Chí Linh (Hải Dương)	37,2	2015	37,8	27/4/2024
Hải Dương	36,5	1998	38,5	27/4/2024
Hung Yên	38,2	2019	41,2	27/4/2024
Nam Định	37,7	2019	40,5	27/4/2024
Văn Lý (Nam Định)	34,7	1990	34,9	27/4/2024
Phủ Lý (Hà Nam)	38,9	1966	41,8	27/4/2024
Ninh Bình	40,2	2019	40,5	27/4/2024
Thái Bình	37,0	1990	39,0	27/4/2024
Yên Định (Thanh Hóa)	37,1	1966	39,0	27/4/2024
Huế (Thừa Thiên Huế)	40,6	2019	42,2	27/4/2024
Tam Kỳ (Quảng Nam)	39,6	1983	40,8	27/4/2024
Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	38,2	2016	38,9	27/4/2024
Cát Tiên (Lâm Đồng)	38,0	2015,2016	39,1	27/4/2024
Đồng Phú (Bình Phước)	40,1	1987	40,2	27/4/2024
Trị An (Đồng Nai)	38,8	2016	38,9	27/4/2024
Sóc Trăng	37,1	1990	37,5	27/4/2024
Mường Lay (Điện Biên)	40,5	2023	41,0	28/4/2024
Điện Biên	38,4	2023	39,0	28/4/2024
Sơn La	38,0	2023	38,2	28/4/2024
Lạc Sơn (Hòa Bình)	40,7	2012	42,0	28/4/2024
Kỳ Anh (Hà Tĩnh)	38,8	2001,2007,2016	41,1	28/4/2024
Đông Hà (Quảng Trị)	42,1	1980	44,0	28/4/2024
Nha Trang (Khánh Hòa)	34,6	2009	34,7	28/4/2024
Trường Sa (Khánh Hòa)	36,4	2020	36,8	28/4/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	37,0	2017	37,8	28/4/2024

Trạm khí tượng (Tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Càng Long (Trà Vinh)	37,0	2003	38,1	28/4/2024
Thổ Chu (Kiên Giang)	36,5	2012	37,3	28/4/2024
Bắc Yên (Sơn La)	37,6	2023	38,0	29/4/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	37,3	2016	38,2	29/4/2024
Bến Tre	37,0	2016	38,0	29/4/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	37,4	1983	39,0	29/4/2024
Mường Tè (Lai Châu)	40,5	1980	41,7	30/4/2024
Phù Yên (Sơn La)	41,7	2019	42,0	30/4/2024
Mai Châu (Hòa Bình)	40,9	2019	42,5	30/4/2024
Phố Ràng (Lào Cai)	39,8	2019	40,7	30/4/2024
Bắc Mê (Hà Giang)	40,0	2016	40,2	30/4/2024
Bắc Quang (Hà Giang)	38,0	1988	38,8	30/4/2024
Đồng Văn (Hà Giang)	33,0	2017,2019	34,0	30/4/2024
Chợ Rã (Bắc Kạn)	39,3	2012	39,8	30/4/2024
Cao Bằng	39,5	2006,2016	39,9	30/4/2024
Bảo Lạc (Cao Bằng)	39,7	1966,2012	40,8	30/4/2024
Trùng Khánh (Cao Bằng)	37,0	2006	37,2	30/4/2024
Thất Khê (Lạng Sơn)	38,5	2006	39,2	30/4/2024
Lạng Sơn	37,9	2012	38,6	30/4/2024
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	29,8	2012	31,2	30/4/2024
Móng Cái (Quảng Ninh)	32,5	2017	33,2	30/4/2024
Quảng Hà (Quảng Ninh)	32,8	2017	33,5	30/4/2024
Sơn Động (Bắc Giang)	38,7	2012	39,3	30/4/2024
Nho Quan (Ninh Bình)	40,6	2019	41,1	30/4/2024
Cúc Phương (Ninh Bình)	38,5	2012,2019	39,2	30/4/2024
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	35,3	2012	36,3	30/4/2024
Thanh Hóa	38,4	2019	40,1	30/4/2024
Như Xuân (Thanh Hóa)	40,0	2007	41,0	30/4/2024
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	40,8	2019	43,9	30/4/2024
Tương Dương (Nghệ An)	42,4	2019	44,0	30/4/2024
Quỳ Hợp (Nghệ An)	41,8	2007	42,4	30/4/2024
Con Cuông (Nghệ An)	42,0	1980,2019	43,2	30/4/2024
Quỳnh Lưu (Nghệ An)	38,4	2019	42,0	30/4/2024
Đô Lương (Nghệ An)	41,5	2019	43,1	30/4/2024

Trạm khí tượng (Tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hòn Ngu (Nghệ An)	37,5	2019	40,1	30/4/2024
Vinh (Nghệ An)	41,0	2019	42,9	30/4/2024
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	40,4	2016	42,7	30/4/2024
Hà Tĩnh	40,3	2019	43,2	30/4/2024
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	39,4	2019	42,7	30/4/2024
Tuyên Hóa (Quảng Bình)	43,0	2019	43,1	30/4/2024
Đồng Hới (Quảng Bình)	41,0	2015	43,2	30/4/2024
Ba Đồn (Quảng Bình)	40,8	2015	43,2	30/4/2024
Khe Sanh (Quảng Trị)	39,3	2016	39,8	30/4/2024
A Lưới (Thừa Thiên Huế)	38,1	1983	39,2	30/4/2024
Nam Đông (Thừa Thiên Huế)	41,1	2013	42,2	30/4/2024
Trà My (Quảng Nam)	40,5	1983	40,6	30/4/2024
Hoài Nhơn (Bình Định)	40,2	2016	40,9	30/4/2024

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất ngày vượt GTLS từ ngày 01-20/5/2024

Trạm khí tượng (Tỉnh/TP)	GTLS Tháng 5	Năm xuất hiện GTLS Tháng 5	Giá trị vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuần Giáo (Điện Biên)	39,6	2019	39,6	01/5/2024
Ba Đồn (Quảng Bình)	41,0	2023	43,2	01/5/2024
Đông Hà (Quảng Trị)	42,3	2023	44,0	01/5/2024
Huế (Thừa Thiên Huế)	41,3	1983	42,2	01/5/2024
Nam Đông (Thừa Thiên Huế)	41,5	2023	42,2	01/5/2024
Đà Nẵng	40,5	1983	40,7	01/5/2024
Tam Kỳ (Quảng Nam)	40,2	2010,2023	41,0	01/5/2024
Phan Rí (Bình Thuận)	35,8	2019	37,6	10/5/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	37,0	2020	38,2	01/5/2024
Tây Ninh	39,0	1983	39,9	01/5/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	38,7	2016	39,9	02/5/2024

Mỹ Tho (Tiền Giang)	37,2	2005	37,8	02/5/2024
Vĩnh Long	37,1	2016	38,5	02/5/2024
Bến Tre	37,9	2020	38,0	02/5/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	37,0	1980,1983,2016, 2019,2020,2023	39,0	02/5/2024
Càng Long (Trà Vinh)	37,7	2016	38,1	02/5/2024
Châu Đốc (An Giang)	37,5	2005,2015	38,3	3/5/2024
Cần Thơ	36,7	1983,2010,2015, 2020	37,4	01/5/2024
Thổ Chu (Kiên Giang)	36,8	2016	37,3	02/5/2024

Bảng 4: Tổng lượng mưa ngày vượt GTLS từ ngày 01-20/5/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 5	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phố Ràng (Lào Cai)	78,5	2020	114,6	16/5/2024
M'Đrắk (Đắk Lắk)	96,1	2011	147,8	19/5/2024
Phan Rí (Bình Thuận)	46,3	2021	54,0	21/5/2024